



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAFREIGHT**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	13 - 45
8. Phụ lục	46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Vinafreight (tiền thân là Công ty Cổ phần Vận tải Ngoại Thương) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Xí nghiệp Dịch vụ Kho vận trực thuộc Công ty Giao nhận Kho vận Ngoại thương TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM ngày 10 tháng 9 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302511219 (số cũ: 4103000781), đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ hai ngày 29 tháng 8 năm 2005 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ ba ngày 06 tháng 7 năm 2007 về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tư ngày 12 tháng 6 năm 2008 về việc chi tiết danh sách cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 21 tháng 6 năm 2013 về bổ sung thông tin về Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ sáu ngày 28 tháng 9 năm 2013 về thay đổi địa chỉ của Chi nhánh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ bảy ngày 19 tháng 5 năm 2014 về việc đổi tên Công ty.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ tám ngày 14 tháng 7 năm 2014 về bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 25 tháng 11 năm 2014 về việc thay đổi tên của Chi nhánh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (028) 38 446 409
- Fax : (028) 38 447 813
- Website : www.vinafreight.com

Các đơn vị trực thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hà Nội	Tầng 5, số 25, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinafreight tại TP. Hải Phòng	Phòng 212, tầng 2, số 441 Đà Nẵng, phường Đông Hải 1, quận Hải An, TP. Hải Phòng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển (đối với đại lý tàu biển và cung ứng tàu biển chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS);
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Huy Diệu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Trương Minh Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Tôn Thất Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Đỗ Xuân Quang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2008

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Bích Lâm – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2008).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Bích Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 1.0518/18/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Trần Thị Thùy Quyên

Trần Thị Thùy Quyên - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1539-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		501.136.438.718	417.834.521.097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	145.427.597.417	85.193.785.369
1. Tiền	111		116.385.597.417	51.446.634.260
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.042.000.000	33.747.151.109
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		14.559.770.274	43.781.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	14.559.770.274	43.781.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		337.610.087.962	285.269.551.173
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	208.967.088.899	183.050.439.021
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.387.870.006	2.433.135.053
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	140.046.508.525	110.908.528.043
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(12.791.379.468)	(11.122.550.944)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.538.983.065	3.590.184.555
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	432.849.816	678.402.075
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.106.133.249	2.861.234.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	-	50.547.936
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		234.920.806.701	97.692.377.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.958.344.920	6.829.664.626
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	5.958.344.920	6.829.664.626
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.308.333.153	4.504.512.069
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.507.285.148	3.409.650.727
- Nguyên giá	222		13.558.930.126	12.558.702.853
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.051.644.978)	(9.149.052.126)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	801.048.005	1.094.861.342
- Nguyên giá	228		2.639.072.679	2.639.072.679
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.838.024.674)	(1.544.211.337)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		223.640.992.968	84.964.178.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	206.100.557.641	74.470.693.390
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	11.540.435.327	7.293.485.327
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	6.000.000.000	3.200.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.013.135.660	1.394.022.106
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	1.013.135.660	1.394.022.106
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		736.057.245.419	515.526.898.615

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		475.774.535.874	279.670.154.527
I. Nợ ngắn hạn	310		470.447.705.027	274.327.413.965
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	221.444.181.266	135.982.755.460
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.003.115.089	851.367.587
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	3.672.757.526	6.693.494.424
4. Phải trả người lao động	314	V.11	12.664.284.180	7.714.432.975
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	5.987.849.388	5.496.962.839
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	139.443.919.806	34.763.118.536
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	76.127.898.776	74.999.168.074
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	10.103.698.996	7.826.114.070
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.326.830.847	5.342.740.562
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	5.326.830.847	5.342.740.562
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		260.282.709.545	235.856.744.088
I. Vốn chủ sở hữu	410		260.282.709.545	235.856.744.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.000.000.000	56.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	2.402.850.000	2.402.850.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.16	(155.000.000)	(155.000.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	7.925.977.872	6.925.977.872
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	187.865.372.901	163.567.493.743
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		152.038.387.868	163.567.493.743
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		35.826.985.033	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.16	6.243.508.772	7.115.422.473
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		736.057.245.419	515.526.898.615

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2018


 Nguyễn Trịnh Phương Thảo
 Người lập


 Lê Thị Ngọc Anh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Bích Lân
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.886.381.886.018	1.657.630.643.316
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.258.015.483	8.614.299.112
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.881.123.870.535	1.649.016.344.204
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.806.305.168.837	1.582.323.882.666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.818.701.698	66.692.461.538
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	13.571.701.088	14.465.402.424
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.931.159.096	6.592.936.102
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.658.416.844	2.655.778.506
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	10.486.120.470	17.994.655.237
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	16.530.885.940	12.433.914.534
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24.310.462.990	26.442.624.098
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.104.015.230	53.683.044.465
12. Thu nhập khác	31	VI.8	956.500.046	426.118.012
13. Chi phí khác	32	VI.9	191.210.835	312.005.092
14. Lợi nhuận khác	40		765.289.211	114.112.920
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.869.304.441	53.797.157.385
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	9.656.410.731	8.681.733.980
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	202.417.458
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.212.893.710	44.913.005.947
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		41.411.485.033	43.256.389.112
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.801.408.677	1.656.616.835
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a,b	6.269	6.593
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a,b	6.269	6.593

Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.869.304.441	53.797.157.385
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	1.196.406.189	1.424.581.655
- Các khoản dự phòng	03	V.5	1.668.828.524	4.658.869.656
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(111.446.156)	440.212.758
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b; VI.4	(20.874.523.403)	(28.637.719.871)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	3.658.416.844	2.655.778.506
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		39.406.986.439	34.338.880.089
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(53.588.829.709)	(42.944.440.085)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		138.855.297.459	200.276.087
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		626.438.705	(695.073.577)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.658.416.844)	(2.655.778.506)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(12.450.714.676)	(6.769.233.377)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(3.058.415.074)	(4.674.043.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		106.132.346.300	(23.199.412.468)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(1.000.227.273)	(510.817.591)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.730.000.000)	(42.690.125.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		51.164.229.726	16.363.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(110.647.100.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.268.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		52.909.774.361	17.221.523.862
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32.303.323.186)	(7.347.468.729)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14a	784.304.189.224	689.953.431.141
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14a	(783.175.458.522)	(672.588.416.142)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13a, 16	(14.660.537.222)	(9.680.236.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.531.806.520)	7.684.778.749
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		60.297.216.594	(22.862.102.448)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	85.193.785.369	107.783.337.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(63.404.546)	272.549.912
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	145.427.597.417	85.193.785.369

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinafreight (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS); kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation)	39B Trường Sơn, lầu 11, tòa nhà Hải Âu, Phường 4, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa.	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) ⁽ⁱ⁾	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.	90,00%	90,00%	94,90%	94,90%
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

- ⁽ⁱ⁾ Công ty nắm giữ 45,90% quyền biểu quyết trực tiếp tại Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway) và 49,00% quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc tơ Quốc tế (Vector Aviation).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) ⁽ⁱ⁾	51 Yên Thế, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Đại lý vận tải hàng hóa	-	30,00%	-	30,00%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	184 Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	Dịch vụ vận tải hàng hóa	27,89%	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	Số 2 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải hàng hóa	23,06%	23,06%	23,06%	23,06%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Thôn Bưởi, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dịch vụ logistics	25,00%	-	25,00%	-
Công ty Cổ phần Cảng Mipex	bán đảo Đình Vũ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP. Hải Phòng	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	20,00%	-	20,00%	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) ⁽ⁱⁱ⁾	18 Đặng Thị Nhu phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	39,00%	39,00%	39,00%	39,00%

(i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) 225.000 USD, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Trong năm, KWE làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 750.000 USD lên thành 5.100.000 USD, tuy nhiên Tập đoàn chỉ đăng ký góp thêm 30.000 USD trong tổng 4.350.000 USD tăng thêm của KWE đã làm cho tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào KWE giảm từ 30,00% vốn điều lệ xuống còn 5,00% vốn điều lệ.

(ii) Công ty này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục pháp lý để giải thể.

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 305 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 322 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được chuyển đổi theo tỷ giá xấp xỉ, cụ thể là tỷ giá 22.600 VND/USD cho các nghiệp vụ phát sinh trong năm. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục phi tiền tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với doanh thu/nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với chi phí/nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê quy định trên hợp đồng thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn chỉ có chương trình phần mềm. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 10 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả khác cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp hàng hoá đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

23. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.050.958.564	2.090.421.521
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	114.334.638.853	49.356.212.739
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	29.042.000.000	33.747.151.109
Cộng	145.427.597.417	85.193.785.369

(i) Trong đó:

- Tiền gửi ngân hàng cuối năm bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với tổng số tiền là 42.505.377.271 VND (số đầu năm là 2.406.247.949 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14a).
- Tiền gửi ngân hàng cuối năm tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam với số tiền là 3.976.000.000 VND (số đầu năm là 8.345.904.000 VND và 3.500,00 USD) được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán cho các nhà cung cấp của Tập đoàn theo Hợp đồng cầm cố số VNM CDT 090950/DUL và để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng) ⁽ⁱ⁾	14.559.770.274	14.559.770.274	43.781.000.000	43.781.000.000
Dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	3.200.000.000	3.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng	5.000.000.000	5.000.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
- Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	20.559.770.274	20.559.770.274	46.981.000.000	46.981.000.000

(i) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với số tiền là 7.844.770.274 VND (số đầu năm là 10.041.000.000 VND) đã được cầm cố để đảm bảo thanh toán cho các hãng hàng không.

(ii) Khoản đầu tư mua 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành ngày 25 tháng 11 năm 2016, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, thời hạn 10 năm kể từ ngày phát hành đến ngày 25 tháng 11 năm 2026. Lãi suất trái phiếu là lãi suất thả nổi và được xác định mỗi kỳ tính lãi theo công thức: Lãi suất = Lãi suất tham chiếu + 1% (một phần trăm)/năm. Lãi phát sinh trên gốc trái phiếu được trả sau, định kỳ hàng năm vào ngày tròn năm kể từ ngày phát hành trong thời hạn trái phiếu. Tiền gốc trái phiếu được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn hoặc ngày mua lại trước hạn.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) ⁽ⁱ⁾	-	-	-	3.565.350.000	32.639.880.448	36.205.230.448
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	4.392.000.000	3.641.578.554	8.033.578.554	4.392.000.000	3.286.992.314	7.678.992.314
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	13.200.000.000	17.661.479.087	30.861.479.087	13.200.000.000	17.386.470.628	30.586.470.628
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ⁽ⁱⁱ⁾	9.445.500.000	-	9.445.500.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Mipéc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	157.760.000.000	-	157.760.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	624.000.000	(624.000.000)	-	624.000.000	(624.000.000)	-
Cộng	185.421.500.000	20.679.057.641	206.100.557.641	21.781.350.000	52.689.343.390	74.470.693.390

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE) 225.000 USD, tương đương 30,00% vốn điều lệ. Trong năm, KWE làm thủ tục tăng vốn điều lệ từ 750.000 USD lên thành 5.100.000 USD, tuy nhiên Tập đoàn chỉ đăng ký góp thêm 30.000 USD trong tổng 4.350.000 USD tăng thêm của KWE đã làm cho tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn vào KWE giảm từ 30,00% vốn điều lệ xuống còn 5,00% vốn điều lệ.
- (ii) Tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng 50.000 cổ phiếu, tương ứng với 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long với giá mua 9.445.500.000 VND.
- (iii) Tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng 10.000.000 cổ phiếu, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec với giá mua 157.760.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Chuyển sang đầu tư dài hạn khác	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	36.205.230.448	7.187.619.740	(39.827.500.188)	(3.565.350.000)	-	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	7.678.992.314	826.081.049	(439.200.000)	-	(32.294.809)	8.033.578.554
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	30.586.470.628	2.472.419.681	(1.980.000.000)	-	(217.411.222)	30.861.479.087
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	9.445.500.000	9.445.500.000
Công ty Cổ phần Cảng Mipec ⁽ⁱ⁾	-	-	-	-	157.760.000.000	157.760.000.000
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	-	-	-	-	-	-
Cộng	74.470.693.390	10.486.120.470	(42.246.700.188)	(3.565.350.000)	166.955.793.969	206.100.557.641

- (ii) Tháng 12 năm 2017, Tập đoàn đã đầu tư góp vốn vào các Công ty liên kết này.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long và Công ty Cổ phần Cảng Mipec hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) đang hoàn tất thủ tục giải thể. Các công ty liên kết khác vẫn đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)		
Thu phí dịch vụ chứng từ	45.548.092	23.235.940
Thu phí cước vận tải quốc tế	130.799.057	201.560.317
Phí giao nhận, xếp dỡ phải trả	200.048.922	176.183.893
Chia cổ tức	66.000.000	49.500.000
Nhận lãi góp vốn được chia	439.200.000	658.800.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)		
Thu phí dịch vụ	639.463.711	-
Phí dịch vụ vận tải phải trả	123.164.538	107.772.735
Chia cổ tức	350.000.000	262.500.000
Nhận lãi góp vốn được chia	1.980.000.000	3.960.000.000
Cho vay	6.000.000.000	-
Thu lãi cho vay	232.168.000	-

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (KWE)	4.246.950.000	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck)	726.150.000	-	726.150.000	-
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4.917.335.327	-	4.917.335.327	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink)	1.650.000.000	-	1.650.000.000	-
Cộng	11.540.435.327	-	7.293.485.327	-

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.921.357.087	1.279.114.165
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	1.237.980.319	1.237.980.319
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	15.675.000	13.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	66.054.157	21.964.461
Công ty Cổ phần Transimex	57.275.316	5.969.385
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)	544.372.295	-
Phải thu các khách hàng khác	207.045.731.812	181.771.324.856
Công ty Cổ phần Giao nhận Toàn cầu DHL Việt Nam	22.731.705.998	23.855.007.663
Công ty TNHH Expeditors Việt Nam	11.852.356.628	18.561.156.694
Công ty TNHH Agility	33.223.760.718	4.137.148.500
Các khách hàng khác	139.237.908.468	135.218.011.999
Cộng	208.967.088.899	183.050.439.021

Trong đó, các khoản phải thu khách hàng trị giá tương đương 1,200,000 USD đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng cầm cố số VNM CDT 090950/MR.

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vi Na Vinatrans (V truck) – phải thu tiền lợi nhuận được chia	56.175.000	-	-	-
Tiền lãi dự thu	17.500.000	-	348.346.240	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.016.523.299	-	2.415.246.665	-
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải thu các khoản tiền chi hộ	8.179.666.647	-	-	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không và bảo đảm cho khoản vay ⁽ⁱ⁾	84.138.170.000	-	79.325.370.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	7.636.723.325	-	9.538.704.000	-
Ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	4.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Ký quỹ ngắn hạn khác	509.993.526	-	315.871.400	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	33.491.756.728	-	17.964.989.738	-
Cộng	140.046.508.525	-	110.908.528.043	-

- (i) Trong đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng trị giá 78.000.000.000 VND (số đầu năm là 74.000.000.000 VND) tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn và đảm bảo cho các khoản bảo lãnh thanh toán tại ngân hàng này (xem thuyết minh số V.14a).

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 4.000.000.000 VND (số đầu năm là 1.000.000.000 VND) đã được ký quỹ đảm bảo cho các khoản bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng này.

4b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	-	-	844.000.000	-
Ký quỹ dài hạn để thuê văn phòng	5.843.594.920	-	5.717.604.100	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	114.750.000	-	268.060.526	-
Cộng	5.958.344.920	-	6.829.664.626	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Bên liên quan		1.237.980.319	-		1.237.980.319	-
Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) – tiền cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	1.237.980.319	-	Trên 3 năm	1.237.980.319	-
Các tổ chức và cá nhân khác		15.358.781.025	3.805.381.876		15.676.870.224	5.792.299.599
	Dưới 6 tháng	1.258.383.364	1.258.383.364	Dưới 6 tháng	708.135.543	708.135.543
	Từ 6 tháng đến 1 năm	480.335.095	336.234.566	Từ 6 tháng đến 1 năm	233.676.447	163.573.513
	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	658.469.219	349.212.006	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	7.854.731.826	3.927.365.913
	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	6.205.173.132	1.861.551.940	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	3.310.748.772	993.224.630
	Trên 3 năm	6.756.420.215	-	Trên 3 năm	3.569.577.636	-
Cộng		16.596.761.344	3.805.381.876		16.914.850.543	5.792.299.599

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.122.550.944	7.439.255.429
Trích lập dự phòng bổ sung	1.668.828.524	4.658.869.656
Xử lý nợ phải thu khó đòi	-	(975.574.141)
Số cuối năm	12.791.379.468	11.122.550.944

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	41.750.908	124.799.727
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	8.945.332
Chi phí thuê văn phòng	179.603.032	170.427.780
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	211.495.876	374.229.236
Cộng	432.849.816	678.402.075

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	551.194.277	887.721.358
Các chi phí trả trước dài hạn khác	461.941.383	506.300.748
Cộng	1.013.135.660	1.394.022.106

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.632.973.150	7.490.744.532	2.434.985.171	12.558.702.853
Mua trong năm	-	817.887.273	182.340.000	1.000.227.273
Số cuối năm	2.632.973.150	8.308.631.805	2.617.325.171	13.558.930.126
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.632.973.150	2.601.074.864	1.817.809.944	7.051.857.958
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.618.345.555	4.607.061.045	1.923.645.526	9.149.052.126
Khấu hao trong năm	14.627.595	645.197.295	242.767.962	902.592.852
Số cuối năm	2.632.973.150	5.252.258.340	2.166.413.488	10.051.644.978
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	14.627.595	2.883.683.487	511.339.645	3.409.650.727
Số cuối năm	-	3.056.373.465	450.911.683	3.507.285.148
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm
Nguyên giá	
Số đầu năm	2.639.072.679
Số cuối năm	2.639.072.679
<i>Trong đó:</i>	
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	490.800.220

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chương trình phần mềm
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	1.544.211.337
Khấu hao trong năm	293.813.337
Số cuối năm	1.838.024.674
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	1.094.861.342
Số cuối năm	801.048.005
<i>Trong đó:</i>	
Tạm thời không sử dụng	-
Đang chờ thanh lý	-

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>254.574.222</i>	<i>12.534.076</i>
Công ty Cổ phần Transimex	236.033.722	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	18.540.500	12.534.076
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>221.189.607.044</i>	<i>135.970.221.384</i>
Hãng hàng không Air Asia Berhad	23.411.697.541	10.048.981.169
Hãng hàng không Etihad Airways	156.946.128.250	64.579.107.070
Hãng hàng không Jet Airways (India)	6.064.576.455	11.151.608.725
Các nhà cung cấp khác	34.767.204.798	50.190.524.420
Cộng	221.444.181.266	135.982.755.460

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	878.927.314	-	6.044.182.372	(6.374.988.979)	548.120.707	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.913.282.702	-	9.656.410.731	(12.450.714.676)	2.118.978.757	-
Thuế thu nhập cá nhân	901.284.408	-	6.720.212.130	(6.680.770.514)	940.726.024	-
Tiền thuê đất	-	-	1.876.907.526	(1.876.907.526)	-	-
Các loại thuế khác	-	50.547.936	615.417.985	(499.938.011)	64.932.038	-
Cộng	6.693.494.424	50.547.936	24.913.130.744	(27.883.319.706)	3.672.757.526	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Không chịu thuế
- Doanh thu dịch vụ làm hàng phát sinh tại nước ngoài	0%
- Doanh thu cước quốc tế, vé máy bay quốc tế	5%
- Doanh thu bán nước sinh hoạt	10%
- Doanh thu dịch vụ tiêu thụ nội địa	

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh tại từng công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Vinafreight	3.193.362.854	3.210.906.953
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	3.908.616.685	3.764.300.505
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con đường Việt (Vietway)	2.404.632.037	1.517.805.776
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	149.799.155	188.720.746
Cộng	9.656.410.731	8.681.733.980

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tập đoàn phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 13.709,34 m² đất đang sử dụng làm nhà kho tại Quận 7, TP. Hồ Chí Minh với mức giá thuê theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả người lao động

Khoản trích trước tiền lương tháng 13 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả	1.879.053.571	3.420.192.177
Tiền thưởng năng suất phải trả	832.000.000	920.000.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.276.795.817	1.156.770.662
Cộng	5.987.849.388	5.496.962.839

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả khác****13a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	2.528.222.222	500.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam – lợi nhuận được chia từ các Công ty con	2.528.222.222	500.000.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	136.915.697.584	34.263.118.536
Kinh phí công đoàn	144.061.589	111.066.276
Cổ tức phải trả	304.990.250	274.305.250
Phải trả các hãng hàng không tiền thu hộ từ bán vé máy bay	45.475.588.626	26.452.575.301
Pan Continental Shipping Co., Ltd. – phải trả các khoản tiền thu hộ	27.295.328.513	-
Phải trả tiền nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Mipec ⁽ⁱ⁾	57.240.000.000	-
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	2.000.000.000	2.000.000.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn của Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	300.000.000	613.425.000
Tiền thưởng phải trả người lao động	-	2.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.155.728.606	2.811.746.709
Cộng	139.443.919.806	34.763.118.536

- (i) Trong năm, Công ty đã nhận chuyển nhượng 10.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cảng Mipec từ cổ đông khác của Công ty này với giá trị chuyển nhượng là 157.760.000.000 VND. Trong đó, Công ty đã thanh toán số tiền 100.520.000.000 VND, số tiền còn lại là 57.240.000.000 VND sẽ được thanh toán chậm nhất là ngày 28 tháng 02 năm 2018.

13b. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ dài hạn cho thuê văn phòng.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay**14a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	76.127.898.776	74.865.870.770
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾	64.767.898.776	69.865.870.770
Vay Ngân hàng TNHH MTV HBSC Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾	11.360.000.000	-
Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	133.297.304
Cộng	76.127.898.776	74.999.168.074

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa của mỗi khoản vay là 02 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là số dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn và/hoặc không kỳ hạn thuộc sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.1 và V.4a).
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HBSC Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động dịch vụ vận tải hàng không với lãi suất được xác định theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay tối đa của mỗi khoản vay là 45 ngày. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền thu nợ đối với các khoản phải thu trị giá 1.200.000 USD và số dư tiền gửi trong các tài khoản của Tập đoàn tại Ngân hàng này ít nhất 35% số dư nợ vay (xem thuyết minh số V.1 và V.3).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	74.865.870.770	784.304.189.224	(783.042.161.218)	76.127.898.776
Vay dài hạn đến hạn trả	133.297.304	-	(133.297.304)	-
Cộng	74.999.168.074	784.304.189.224	(783.175.458.522)	76.127.898.776

14b. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng khác (i)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.122.190.633	3.886.900.000	151.100.000	(1.778.358.763)	9.381.831.870
Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Quỹ khen thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	703.923.437	1.298.000.000	-	(1.280.056.311)	721.867.126
Cộng	7.826.114.070	5.184.900.000	151.100.000	(3.058.415.074)	10.103.698.996

- (i) Tăng do trích lập từ lợi nhuận của các cổ đông không kiểm soát.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Transimex	28.811.200.000	24.743.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	6.080.000.000	6.080.000.000
Các cổ đông khác	20.953.800.000	25.022.000.000
Cổ phiếu quỹ	155.000.000	155.000.000
Cộng	56.000.000.000	56.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.600.000	5.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	15.500	15.500
- Cổ phiếu phổ thông	15.500	15.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
- Cổ phiếu phổ thông	5.584.500	5.584.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2017 như sau:

	<u>VND</u>
• Tạm ứng cổ tức cho các cổ đông đợt 1 bằng tiền mặt (10% mệnh giá - đã thực hiện trong năm 2016 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04-16/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2016)	: 5.584.500.000
• Chia cổ tức cho các cổ đông đợt cuối bằng tiền mặt (10% mệnh giá)	: 5.584.500.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 1.000.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 1.346.000.000
- Trích lập tại Công ty	843.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	503.000.000
• Trích quỹ khen thưởng cán bộ công nhân viên	: 2.692.000.000
- Trích lập tại Công ty	1.684.000.000
- Trích lập tại các Công ty con	1.008.000.000
• Trích quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 1.298.000.000

Ngoài ra, Công ty cũng đã chi cổ tức đợt 1 năm 2017 bằng tiền mặt với tỷ lệ chi trả là 10% mệnh giá theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05-17/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 11 năm 2017.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**17a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	21.893.228.047	18.017.400.541
Trên 1 năm đến 5 năm	27.604.482.526	42.526.971.840
Cộng	49.497.710.573	60.544.372.381

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh và TP. Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17b. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn bao gồm 2.632.721,35 USD (số đầu năm là 968.052,20 USD).

17c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Phúc Hưng	481.841.430	481.841.430	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Không Gian	185.922.384	185.922.384	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Phòng vé Phạm Nguyên	322.292.338	322.292.338	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Du lịch Đới Cảnh Việt	305.809.000	305.809.000	Công nợ quá hạn không thể thu hồi
HTM GSA Group	244.920.368	244.920.368	Công ty này đã giải thể
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vạn Năng Hà Nội	82.894.142	82.894.142	Công ty này đã bỏ trốn
Công ty TNHH Giao nhận Kho vận Vạn Năng	470.867.448	470.867.448	Công ty này đã bỏ trốn
Các khách hàng khác	239.015.940	239.015.940	Các khách hàng này đã bỏ trốn, giải thể
Cộng	2.333.563.050	2.333.563.050	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cước vận tải quốc tế	1.405.093.508.630	1.247.088.515.918
Doanh thu bán vé máy bay	292.639.264.746	228.416.791.223
Doanh thu dịch vụ giao nhận hàng hóa	158.835.099.923	156.982.187.404
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	29.814.012.719	25.143.148.771
Cộng	1.886.381.886.018	1.657.630.643.316

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Transimex		
Thu phí cước vận tải quốc tế	990.755.248	138.472.796
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Thu phí dịch vụ	114.538.020	345.503.732

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**
Hàng bán bị trả lại.**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.140.009	763.023.558
Chi phí nhân công	55.394.346.806	42.291.953.730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	516.051.319	768.601.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.719.448.879.975	1.509.752.202.078
Các chi phí khác	30.187.750.728	28.748.101.731
Cộng	1.806.305.168.837	1.582.323.882.666

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	9.400.747.394	7.728.901.776
Cổ tức, lợi nhuận được chia	676.581.289	937.701.010
Lãi đầu tư trái phiếu ngân hàng	78.906.250	-
Lãi cho vay	232.168.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.071.851.999	3.822.337.790
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	111.446.156	-
Lãi chuyển nhượng vốn	-	1.976.461.848
Cộng	13.571.701.088	14.465.402.424

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	3.658.416.844	2.655.778.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.272.742.252	3.496.944.838
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	440.212.758
Cộng	4.931.159.096	6.592.936.102

6. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới khai thác hàng.

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.842.702.422	13.183.887.706
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.169.771	71.574.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	680.354.870	655.980.086
Dự phòng phải thu khó đòi	1.668.828.524	4.658.869.656
Chi phí thuê văn phòng	2.425.905.708	2.375.437.860
Dịch vụ mua ngoài (điện, điện thoại, internet ...)	987.665.900	1.007.487.554
Các chi phí khác	4.639.835.795	4.489.386.311
Cộng	24.310.462.990	26.442.624.098

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	97.085.400
Các khoản thu nhập khác	956.500.046	329.032.612
Cộng	956.500.046	426.118.012

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	185.682.118	279.287.148
Các khoản chi phí khác	5.528.717	32.717.944
Cộng	191.210.835	312.005.092

10. Lãi trên cổ phiếu**10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	41.411.485.033	43.256.389.112
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	(6.400.000.000)	(6.438.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	35.011.485.033	36.818.389.112
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.584.500	5.584.500
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.269	6.593

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	758.140.009	763.023.558
Chi phí nhân công	69.237.049.228	55.475.841.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.196.406.189	1.424.581.655
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.723.049.332.233	1.513.303.988.619
Chi phí khác	52.905.590.108	50.232.986.030
Cộng	1.847.146.517.767	1.621.200.421.298

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Tài sản cho thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	22.067.281.028	22.197.330.718
Trên 1 năm đến 5 năm	28.308.615.246	47.822.313.118
Cộng	50.375.896.274	70.019.643.836

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.274.400.000	1.166.400.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.262.056.311	1.066.350.000
Cộng	2.536.456.311	2.232.750.000

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Transimex

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics Jsc)

Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)

Công ty Cổ phần Cảng Mipec

Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long

Mối quan hệ

Cổ đông nắm giữ 51,59% vốn điều lệ

Cổ đông nắm giữ 10,89% vốn điều lệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Transimex		
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	2.162.671.586	155.486.748
Chia cổ tức	5.688.240.000	2.455.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam		
Phí thuê văn phòng	1.872.129.216	1.827.736.140
Phí điện, nước của văn phòng thuê	1.240.483.163	1.263.811.265
Phí bốc xếp, nâng dỡ, chứng từ	78.986.096	22.963.623
Chi cước vận tải quốc tế và phí dịch vụ	544.978.616	-
Chia cổ tức	1.216.000.000	912.000.000
Chia lợi nhuận	3.032.222.222	976.500.000

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.9 và V.13a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Ngoài trừ khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được trích lập đối với khoản phải thu của Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) (xem thuyết minh số V.5), không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ vận tải, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ký quỹ hoặc ứng trước phí dịch vụ đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Tập đoàn chủ yếu là các khoản ký quỹ để bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không tại các ngân hàng trong nước và lợi nhuận phải thu từ công ty liên kết. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản ký quỹ và lợi nhuận phải thu này.

Đối với các khoản thu chi hộ cho khách hàng là hãng tàu mà Tập đoàn làm đại lý, Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách kiểm soát thường xuyên các khoản thu hộ và chi hộ, đảm bảo các khoản thu hộ luôn cao hơn các khoản chi hộ tại bất kỳ thời điểm nào trong năm.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.427.597.417	-	-	145.427.597.417
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.559.770.274	-	-	20.559.770.274
Phải thu khách hàng	192.370.327.555	1.258.383.364	15.338.377.980	208.967.088.899
Các khoản phải thu khác	143.988.330.146	-	-	143.988.330.146
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	-	11.540.435.327
Cộng	513.886.460.719	1.258.383.364	15.338.377.980	530.483.222.063
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.193.785.369	-	-	85.193.785.369
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	46.981.000.000	-	-	46.981.000.000
Phải thu khách hàng	166.135.588.478	708.135.543	16.206.715.000	183.050.439.021
Các khoản phải thu khác	115.322.946.004	-	-	115.322.946.004
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.293.485.327	-	-	7.293.485.327
Cộng	420.926.805.178	708.135.543	16.206.715.000	437.841.655.721

Thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá là dưới 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả người bán	221.444.181.266	-	221.444.181.266
Vay và nợ	76.127.898.776	-	76.127.898.776
Các khoản phải trả khác	144.454.488.523	5.326.830.847	149.781.319.370
Cộng	442.026.568.565	5.326.830.847	447.353.399.412
Số đầu năm			
Phải trả người bán	135.982.755.460	-	135.982.755.460
Vay và nợ	74.999.168.074	-	74.999.168.074
Các khoản phải trả khác	37.172.675.040	5.342.740.562	42.515.415.602
Cộng	248.154.598.574	5.342.740.562	253.497.339.136

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn cung cấp các dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và bán vé máy bay quốc tế với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Nợ phải trả thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.632.721,35	968.052,20
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000,00	400.000,00
Phải thu khách hàng	280.583,19	136.029,18
Các khoản phải thu khác	510.147,33	288.084,58
Phải trả người bán	(8.951.013,32)	(4.532.680,86)
Các khoản phải trả khác	(1.725.116,68)	(589.334,67)
Nợ phải trả thuần có gốc USD	(7.052.678,13)	(3.329.849,57)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ	-	(133.297.304)
Cộng	1.000.000.000	866.702.696

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Tập đoàn tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.650.000.000 VND (số đầu năm là 1.650.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.481.377.271	10.752.151.949
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.844.770.274	10.041.000.000
Phải thu khách hàng	27.198.000.000	27.264.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	82.000.000.000	75.000.000.000
Cộng	163.524.147.545	123.057.151.949

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

5. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.427.597.417	-	85.193.785.369	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.559.770.274	-	46.981.000.000	-
Phải thu khách hàng	208.967.088.899	(12.791.379.468)	183.050.439.021	(11.122.550.944)
Các khoản phải thu khác	143.988.330.146	-	115.322.946.004	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.540.435.327	-	7.293.485.327	-
Cộng	530.483.222.063	(12.791.379.468)	437.841.655.721	(11.122.550.944)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	221.444.181.266	135.982.755.460
Vay và nợ	76.127.898.776	74.999.168.074
Các khoản phải trả khác	149.781.319.370	42.515.415.602
Cộng	447.353.399.412	253.497.339.136

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINA FREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

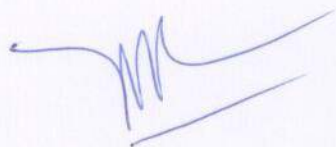
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

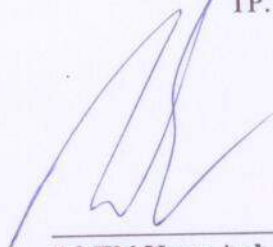
Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinafreight số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinafreight đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 2.792.250 cổ phiếu, mức giá chào bán dự kiến không được thấp hơn 20.000 VND/cổ phiếu, thời gian dự kiến chào bán là trong quý 1 năm 2018 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập



Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Địa chỉ: A8 Trường Sơn, Phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	5.925.977.872	136.067.334.469	6.949.605.638	207.190.767.979
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	43.256.389.112	1.656.616.835	44.913.005.947
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	1.000.000.000	(5.969.400.000)	(171.300.000)	(5.140.700.000)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(8.376.750.000)	(1.050.000.000)	(9.426.750.000)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	-	-	(1.410.079.838)	(269.500.000)	(1.679.579.838)
Số dư cuối năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	6.925.977.872	163.567.493.743	7.115.422.473	235.856.744.088
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	6.925.977.872	163.567.493.743	7.115.422.473	235.856.744.088
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	41.411.485.033	2.801.408.677	44.212.893.710
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	1.000.000.000	(6.184.900.000)	(151.100.000)	(5.336.000.000)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	(11.169.000.000)	(3.522.222.222)	(14.691.222.222)
Các điều chỉnh khác	-	-	-	-	240.294.125	(156)	240.293.969
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	7.925.977.872	187.865.372.901	6.243.508.772	260.282.709.545

Đơn vị tính: VND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2018



Nguyễn Bích Lân
Tổng Giám đốc

Lê Thị Ngọc Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trịnh Phương Thảo
Người lập